

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày: 08-5-2020

V/v “tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Minh Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 384/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Cư trú tại: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Huỳnh K, sinh năm 1985 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Việt N, sinh năm 1986.

Cùng cư trú tại: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày: Trước đây ông có bán điện

thoại cho ông Nguyễn Huỳnh K nhiều lần đến ngày 05 tháng 7 năm 2019 hai bên chốt lại thì ông K còn nợ ông tổng cộng 48.000.000 đồng và ông K có ký biên nhận nợ. Ông K có hứa sau một tháng sẽ trả nhưng ông K không trả. Ông yêu cầu ông K cùng vợ là bà Nguyễn Việt N trả số tiền 48.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 02 năm 2020 bị đơn bà Nguyễn Việt N trình bày: Việc ông K chồng của bà mua bán với ông S như thế nào bà không biết, khi Tòa án thông báo việc ông S kiện thì bà có nghe ông K chồng bà nói lại với bà là có nợ ông S 40.000.000 đồng ông S tính lãi và bắt ký biên nhận thiếu ông S 48.000.000 đồng. Hiện nay do ông K nợ rất nhiều người và đã trốn khỏi địa phương khoảng 20 ngày nay. Bà thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Huỳnh K trong biên nhận do ông S cung cấp là của ông K chồng bà, việc ông K nợ tiền ông S bà không biết nên bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông S, ông K nợ ông S thì ông K có trách nhiệm trả cho ông S.

- Ông Nguyễn Huỳnh K đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng, nhưng ông K vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Việt S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Huỳnh K và bà Nguyễn Việt N trả tiền mua điện thoại. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Huỳnh K và bà Nguyễn Việt N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Huỳnh K và bà Nguyễn Việt N.

[3] Tại phiên tòa ông S cho rằng ông Nguyễn Huỳnh K có mua điện thoại của ông S còn nợ lại số tiền 48.800.000 đồng. Đối với ông Nguyễn Huỳnh K đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để hòa giải và xét xử nhưng K không cung cấp lời khai cho Tòa án và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông S. Theo biên nhận ngày 05 tháng 7 năm 2019 do ông S cung cấp có chữ ký của ông Nguyễn Huỳnh K thể hiện ông Kiêm có nợ ông S số tiền 48.000.000 đồng và tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 02 năm 2020 bà Nguyễn Việt N là vợ ông K xác định chữ ký và tên Nguyễn Huỳnh K trong biên nhận do ông S cung cấp là của ông Nguyễn Huỳnh K. Bà N cho rằng ông K chỉ nợ ông S 4.000.000 đồng, ông S tính lãi 8.000.000 đồng nên bắt ông K ký biên nhận

48.000.000 đồng, nhưng bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, ông S yêu cầu ông Nguyễn Huỳnh K trả số tiền 48.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa ông S yêu cầu ông K và bà N trả lãi chậm trả tiền theo quy định của pháp luật. Xét thấy tại biên nhận do ông S cung cấp không thể hiện thời gian ông K trả nợ cho ông S và không có thỏa thuận việc trả lãi nên ông S yêu cầu ông K và bà N trả lãi là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Do khoản nợ của ông K phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông K với bà Nguyễn Việt N nên đây là nợ chung của vợ chồng. Do đó ông K và bà N có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền 48.000.000 đồng.

[5] Do yêu cầu của ông Nguyễn Việt S được chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí, ông S nộp tiền tạm ứng án phí 1.200.000 đồng được nhận lại. Ông Nguyễn Huỳnh K và bà Nguyễn Việt N phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.400.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc ông Nguyễn Huỳnh K và bà Nguyễn Việt N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

- Về án phí:

Ông Nguyễn Việt S không phải chịu án phí, Ông S đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số

0019719 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; Ông S được nhận lại khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Huỳnh K và bà Nguyễn Việt N có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm ngàn đồng ngàn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Huỳnh K và bà Nguyễn Việt N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**